

PHÂN TÍCH DÒNG DI CƯ VÀ TÍNH CHỌN LỌC CỦA DI CƯ VÀO THÀNH PHỐ LỚN CỦA VIỆT NAM TRONG THẬP KỶ 90 (THẾ KỶ XX) VÀ THẬP KỶ ĐẦU THẾ KỈ XXI

Đỗ Thị Minh Đức*, Nguyễn Viết Thịnh*

1. Đặt vấn đề

Trong mấy năm gần đây, chúng tôi đã có loạt bài nghiên cứu về đô thị hoá ở Việt Nam và về di cư vào đô thị trong những năm cuối của thế kỷ 20. Nghiên cứu này đề cập đến một số đặc trưng về quy mô chuyển cư vào đô thị nói chung, vào đô thị lớn nói riêng từ 1994-1999 đến 2007; tính chọn lọc của luồng di cư vào đô thị lớn, đặc biệt về tuổi và giới tính; về đặc điểm phân bố người di cư vào đô thị lớn gắn liền với việc đô thị hoá và quy hoạch lại đô thị. Dữ liệu phân tích về cơ bản dựa vào số liệu vĩ mô của các cuộc Tổng điều tra dân số 1/4/1999, Điều tra biến động dân số và KHHGD 2006, 2007. Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng dựa trên kết hợp phần mềm SPSS 11.5 và MapInfo 9.0.

2. Quy mô chuyển cư trong nước trong hai thập kỷ qua

2.1. Di cư nông thôn - thành thị

Kết quả phân tích số liệu từ Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở 1/4/1999 cho thấy xu hướng dài hạn trong di cư ở Việt Nam (trong khoảng thời gian 5 năm cho đến trước thời điểm điều tra). Trong thời gian 1994-1999, trong tổng số hơn 4,5 triệu người từ 5 tuổi trở lên di chuyển, thì 50,2% đến các đô thị, 49,8% về vùng nông thôn. Trong tổng số 50,2% chuyển đến các đô thị, thì 24,6% từ nông thôn, 23,9% từ thành thị và 1,7% là không xác định. Trong khi di cư vào thành thị chiếm ưu thế, thì di cư từ thành thị về nông thôn chỉ chiếm 10,9% tổng số người chuyển cư.

Nhờ phát triển công nghiệp, dịch vụ, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, vùng Đông Nam Bộ có quy mô di dân vào đô thị lớn nhất cả nước (1058,8 nghìn người) và quy mô di cư nông thôn - thành thị cũng lớn nhất cả nước (475 nghìn người, chiếm 44,9% tổng số người di cư vào đô thị của vùng). Đồng bằng sông Hồng có quy mô di cư vào đô thị lớn thứ hai (429,5 nghìn người), trong đó luồng di cư từ nông thôn là 170,5 nghìn người (chiếm 39,7%). ở các vùng còn lại, số người di cư từ nông thôn vào đô thị chiếm hơn 1/2 tổng số nhập cư vào đô thị (đặc biệt là ở Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long) (Bảng 1).

Bảng 1: Di dân nông thôn vào đô thị 1994 - 1999 phân theo vùng

Vùng	Tổng số từ nông thôn vào đô thị	% tổng số dân nhập cư vào đô thị
------	---------------------------------	----------------------------------

*GS.TS., GS.TS., Đại học Sư phạm Hà Nội

Đồng bằng sông Hồng	170518	39,7
Đông Bắc	78085	53,4
Tây Bắc	20924	57,4
Bắc Trung Bộ	67131	60,9
Duyên hải NTB	97999	51,6
Tây Nguyên	106035	72,0
Đông Nam Bộ	475409	44,9
Đồng bằng sông Cửu Long	166188	66,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở 1999

Năm 2006, số người di chuyển vào khu vực thành thị (49%) ít hơn về nông thôn (51%). Nhưng nếu lưu ý rằng vào năm đó gần 73% dân số sống ở nông thôn, thành thị chỉ 27%, thì có thể thấy cường độ di chuyển vào đô thị lớn hơn nhiều so với về vùng nông thôn. *Luồng di cư thành thị - thành thị có quy mô đã lớn hơn và tỉ lệ đã cao hơn luồng di cư nông thôn - thành thị.* Năm 2007, 49,9% tổng số người di cư đã đổ vào các đô thị, trong đó di cư nông thôn - thành thị chiếm 22,0%, di cư thành thị - thành thị chiếm 27,9%. Mạng lưới đô thị trong cả nước đang phát triển và thay đổi cấu trúc, do các luồng di cư thành thị - thành thị điều chỉnh, làm tăng thêm tỉ trọng của các thành phố lớn hơn trong cơ cấu chung.

Bảng 2: Tỉ trọng (%) của mười tỉnh, thành phố đứng đầu trong tổng số người di cư vào đô thị cả nước, thời kỳ 1994-1999, 2005-2006 và 2006-2007

Tỉnh, thành phố, thời điểm 1/4/1999	Tỉ trọng %	Tỉnh, TP, thời điểm 1/4/2006	Tỉ trọng %	Tỉnh, TP, thời điểm 1/4/2007	Tỉ trọng %
TP Hồ Chí Minh	37,3	TP Hồ Chí Minh	43,6	TP Hồ Chí Minh	44,3
TP Hà Nội	11,0	TP Hà Nội	10,0	TP Hà Nội	8,4
Đồng Nai	3,7	Lâm Đồng	3,8	Bình Dương	3,8
TP Hải Phòng	2,9	Bình Dương	3,0	TP Hải Phòng	3,3
TP Đà Nẵng	2,9	TP Hải Phòng	2,2	TP Đà Nẵng	2,8
Lâm Đồng	2,6	Thái Nguyên	1,8	Đồng Nai	2,6
Cần Thơ	2,1	Nghệ An	1,6	Lâm Đồng	2,0
Quảng Ninh	1,9	TP Đà Nẵng	1,5	Nghệ An	1,6
Bà Rịa - Vũng Tàu	1,8	Đắk Lắk	1,5	Đắk Lắk	1,6
Khánh Hòa	1,6	Đồng Nai	1,4	TP Cần Thơ	1,6
Tổng số	67,8	Tổng số	70,4	Tổng số	72,0

Nguồn: Xử lý từ cơ sở dữ liệu mẫu 3% TĐT dân số và nhà ở 1/4/1999, Cơ sở dữ liệu (microdata) Điều tra biến động dân số và KHHGD 2006, 2007

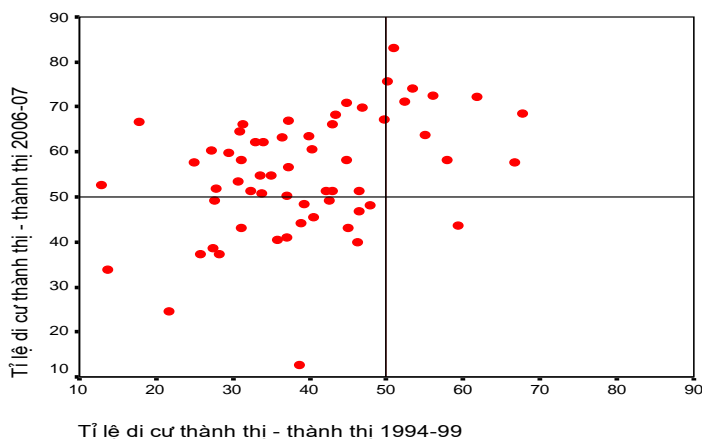
Một số phát hiện chính như sau.

a) Các luồng di cư tập trung vào một số đô thị, mà trước hết là TP Hồ Chí Minh và Hà Nội. Các tỉnh, thành phố thuộc nhóm "top 10" chiếm 67,8% tổng số người di cư

vào đô thị (1994-1999), tăng lên 70,4% (2006) và 72,0% (2007). Trong danh sách "top 10" đã có những thay đổi nhất định, trừ TP Hồ Chí Minh và Hà Nội vẫn giữ vị trí số 1 và số 2.

Liên tục trong hai thập kỉ qua, TP Hồ Chí Minh có quy mô nhập cư vào đô thị lớn nhất cả nước, và sức hút vào TP này tiếp tục tăng mạnh. Tính ra, trong 12 tháng trước điều tra (1/4/2006) có 288 nghìn người nhập cư vào TP, còn trong 12 tháng trước điều tra (1/4/2007) có đến 353,6 nghìn người nhập cư; tỉ trọng của TP này trong tổng số người nhập cư vào đô thị cả nước tăng từ 37,3% (1994-99) lên 44,3% (2007). Trong khi đó, số người di cư vào Hà Nội tăng không đáng kể và tỉ trọng của Hà Nội trong tổng số người nhập cư vào đô thị cả nước giảm rõ rệt, chỉ còn 8,4% (2007). Thứ bậc của Hải Phòng và Đà Nẵng từ thứ 4 và thứ 5 trong bảng xếp hạng (1994-1999), giảm tương ứng xuống thứ 5 và thứ 8 (2006), và khôi phục vị trí vào năm 2007. Điều này có liên quan đến những động thái mới trong phát triển kinh tế - xã hội của hai thành phố này.

b) Có thể phân biệt hai mô hình di cư vào đô thị (xem Biểu đồ hình 1):



Hình 1: Xu hướng thay đổi tỉ lệ di cư thành thị - thành thị trong cơ cấu di cư vào đô thị giữa hai thời kỳ 1994-99 và 2006-07

Mô hình thứ nhất: tỉ lệ di cư thành thị - thành thị chiếm dưới 50%, ưu thế thuộc về dòng di cư nông thôn vào đô thị. Trên biểu đồ, phần lớn các điểm thể hiện các tỉnh, thành phố thời kỳ 1994-99 ở phía trái của vạch 50% trên trục hoành, cho thấy mô hình này chiếm đa số cho đến nửa sau thập kỉ 90 của thế kỉ XX. Cho đến tháng 4/1999, mạng lưới đô thị của nước ta rất kém phát triển và phần lớn là các đô thị nhỏ¹, nằm giữa vùng nông thôn rộng lớn. Điều này đã dẫn đến chỗ dòng di cư nông thôn vào đô thị chiếm ưu thế và là nguồn tăng dân số đô thị quan trọng. Tất nhiên, những người di cư từ nông thôn vào đô thị gặp nhiều khó khăn hơn trong việc thích ứng, hội nhập với cuộc sống đô thị, đặc biệt là trong việc tìm kiếm nơi ở, việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội. Họ phải đương đầu với việc thay đổi nghề nghiệp từ khu vực nông - lâm - ngư sang công nghiệp và dịch vụ. Trong điều kiện cụ thể của nước ta, thì dòng di cư

nông thôn vào đô thị còn gây ra nhiều sự quan ngại do sức ép lớn lên môi trường đô thị vốn đã không đáp ứng tốt nhu cầu hiện tại của đô thị.

Mô hình thứ hai: tỉ lệ di cư thành thị - thành thị chiếm trên 50%, ưu thế thuộc về dòng di cư giữa các đô thị. Trên biểu đồ, phần lớn các điểm thể hiện các tỉnh, thành phố vào thời gian 2006-2007 ở phía trên của vạch 50% trên trục tung. Cho thấy mô hình này đang chiếm ưu thế ở nước ta hiện nay. Trong những năm gần đây, tốc độ đô thị hoá tương đối khá, đặc biệt là với sự nâng cấp đô thị, nhiều thị xã trở thành thành phố trực thuộc tỉnh, các thành phố trực thuộc Trung ương được đầu tư phát triển mạnh thành các trung tâm phát triển vùng và cả nước, thu hút mạnh hơn lao động vào công nghiệp và dịch vụ.

Rất nhiều tỉnh có tỉ lệ di cư thành thị - thành thị năm 2007 trên 60%, hay nói khác đi, dòng di cư này đã chiếm tỉ lệ áp đảo. Chúng ta đã bắt đầu thấy một xu hướng rõ nét, có quy luật của di cư nông thôn - thành thị: từ nông thôn vào đô thị nhỏ (chẳng hạn thị trấn) và từ các đô thị nhỏ đến các đô thị trung bình và đô thị lớn. Đối với bộ phận di cư thành thị - thành thị, thì khả năng thích ứng với cuộc sống ở nơi mới thuận lợi hơn, do họ được chuẩn bị tốt hơn; mặt khác, các tác động đến đời sống đô thị ở nơi mới tích cực hơn.

Có một số trường hợp ngoại lệ so với xu hướng chung. Tỉnh Bình Dương, tỉ lệ di cư thành thị - thành thị giảm từ 38,7% xuống 12,7% phản ánh sự phát triển khá nóng của công nghiệp và đô thị hoá ở tỉnh này, với sự phát triển nhiều ngành công nghiệp nhẹ, có thể sử dụng lao động kĩ thuật không đòi hỏi trình độ cao, đến từ nhiều vùng trong nước (trong bảng 2, Bình Dương đứng thứ 3 về quy mô chuyển cư vào đô thị năm 2007). Trường hợp của tỉnh Gia Lai (tỉ lệ di cư thành thị - thành thị tăng từ 17,8% lên 66,6%) và Đồng Tháp (từ 12,8% lên 52,7%) cũng là các ngoại lệ về sự thay đổi khá nhanh của mô hình di cư.

2.2. Di cư nội tỉnh và ngoại tỉnh

Trong thời kỳ 1994 - 1999, di cư nội tỉnh chiếm ưu thế (55,3%) so với di cư ngoại tỉnh (44,7%). Ở khu vực thành thị, số người di cư nội tỉnh chiếm 56,7% tổng số người di cư vào đô thị và bằng 30% tổng số người di cư của cả nước.

Trong các năm 2005 - 2007, di cư nội tỉnh tiếp tục chiếm ưu thế so với di cư ngoại tỉnh. Luồng di cư vào khu vực thành thị dao động quanh sự cân bằng với luồng di cư vào khu vực nông thôn. Di cư ngoại tỉnh vào đô thị có xu hướng tăng lên, nên tỉ trọng của di cư ngoại tỉnh và nội tỉnh vào đô thị có xu hướng đi đến cân bằng. Điều này ngược với di cư vào khu vực nông thôn, với ưu thế nổi trội của di cư nội tỉnh.

**Bảng 3: Di cư đến đô thị và nông thôn phân theo
di cư nội tỉnh và di cư ngoại tỉnh (%)**

	Nơi thường trú vào thời điểm điều tra	Di cư nội tỉnh	Di cư ngoại tỉnh	Tổng số

PHÂN TÍCH DÒNG DI CƯ VÀ TÍNH CHỌN LỌC CỦA DI CƯ...

1994-99	Tổng số	55,3	44,7	100,0
	Thành thị	56,7	43,3	100,0
	Nông thôn	53,8	46,2	100,0
2005-06	Tổng số	57,2	42,8	100,0
	Thành thị	52,1	47,9	100,0
	Nông thôn	62,1	37,9	100,0
2006-07	Tổng số	55,2	44,8	100,0
	Thành thị	52,4	47,6	100,0
	Nông thôn	58,0	42,0	100,0

Xử lý từ cơ sở dữ liệu mẫu 3% TĐT dân số và nhà ở 1/4/1999, Cơ sở dữ liệu (microdata) Điều tra biến động dân số và KHHGD 2006, 2007

2.3 Di cư nông thôn - thành thị trong quan hệ với di cư nội tỉnh - ngoại tỉnh

Để phân tích dòng di cư vào khu vực thành thị của các tỉnh, chúng tôi đã lập bảng chéo với hai lớp là di cư Nội tỉnh/ Ngoại tỉnh và Di cư nông thôn/Thành thị. Dưới đây là một số nhận xét từ kết quả phân tích số liệu Điều tra biến động dân số 1/4/2007.

1. Hà Nội và TP Hồ Chí Minh có quy mô nhập cư vào đô thị lớn nhất, và di cư ngoại tỉnh chiếm tỉ trọng lớn hơn di cư nội tỉnh. Trong di cư nội tỉnh vào đô thị, thì từ 93% (Hà Nội) đến gần 97% (TP Hồ Chí Minh) là di cư thành thị - thành thị. Điều này có thể được giải thích bởi luồng di cư từ các đô thị vệ tinh vào nội thành cũng như sự chuyển cư giữa các quận của thành phố lớn do quy hoạch lại đô thị, nhất là sự hình thành các khu đô thị mới. Trong di cư ngoại tỉnh, thì dòng di cư nông thôn vào đô thị vẫn chiếm ưu thế. Sức hút mạnh mẽ của các đô thị lớn, đặc biệt là kỳ vọng về khả năng kiếm việc làm và có thu nhập cao, về điều kiện dịch vụ xã hội tốt,... làm cho tầm thu hút người nhập cư vào thành phố lớn bao trùm hầu khắp cả nước; mặt khác, do nhu cầu về lao động đa dạng ở khu vực đô thị, nên lao động phổ thông từ nông thôn cũng có thể kiếm được việc làm và sau một thời gian sẽ chuyển dịch lao động. Điều này càng có thể xảy ra với những người ở độ tuổi lao động sung sức và năng động.

Mô hình di cư vào TP Đà Nẵng tương tự như của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh; các thành phố Hải Phòng, Cần Thơ có điểm khác là di cư nội tỉnh chiếm tỉ trọng lớn hơn di cư ngoại tỉnh.

2. Các tỉnh ở Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, hai vùng có quy mô nhập cư lớn nhất cả nước trong những thập kỉ gần đây, đều có tỉ lệ nhập cư ngoại tỉnh vào đô thị lớn hơn nhập cư nội tỉnh trong giai đoạn 1994-1999. Hiện nay, các tỉnh ở Đông Nam Bộ đang phát triển mạnh các khu công nghiệp (Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu) vẫn giữ được đặc điểm này, trong khi các tỉnh Tây Nguyên đã có tỉ lệ di cư nội tỉnh chiếm ưu thế. Trong di cư nội tỉnh đến các đô thị, thì di cư thành thị - thành thị chiếm ưu thế; còn trong di cư ngoại tỉnh, thì di cư nông thôn vào đô thị chiếm ưu thế.

3. ở một số tỉnh mới tái lập, thì những tỉnh lỵ mới thường có tỉ trọng cao của di cư ngoại tỉnh, chủ yếu từ khu vực đô thị, do quá trình điều chuyển công tác của cán bộ, dẫn đến sự di cư của toàn bộ gia đình họ.

4. Phần lớn các tỉnh có sự thay đổi trong xu hướng chuyển cư vào đô thị. Trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX, dòng di cư từ nông thôn vào đô thị chiếm tỉ trọng cao hơn di cư giữa các đô thị, cả ở di cư nội tỉnh và di cư ngoại tỉnh. Đến năm 2007, ở nhiều tỉnh, thành phố xu hướng đã "đảo chiều" với tỉ lệ di cư giữa các đô thị ngày càng cao hơn, kể cả ở di cư nội tỉnh và di cư ngoại tỉnh.

2.4. Địa bàn xuất cư chủ yếu vào Hà Nội và TP Hồ Chí Minh và địa bàn nhập cư chủ yếu ở hai thành phố này

Trong bài báo "*Di cư vào các đô thị lớn ở nước ta trong thập kỉ 90...*"² chúng tôi đã phân tích đặc điểm phân bố nguồn xuất cư (theo tỉnh) vào Hà Nội và TP Hồ Chí Minh qua hai cuộc Tổng điều tra dân số 1989 và 1999. Những kết quả phân tích được bổ sung qua hai cuộc Điều tra biến động dân số 2006, 2007. Việc so sánh các bản đồ cho cảm nhận rằng địa bàn xuất cư vào Hà Nội trong nhiều năm không thay đổi bao nhiêu, chủ yếu vẫn là từ Hà Tĩnh trở ra, nhiều nhất là từ Nghệ An, Thanh Hoá, các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, Quảng Ninh, Bắc Giang, Phú Thọ. Tuy nhiên, sức hút đối với các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc có phần thay đổi chút ít, Đối với các tỉnh phía Nam, chủ yếu là có sự trao đổi luồng di cư giữa hai thành phố lớn nhất là Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Bảng 4: Số người nhập cư vào Hà Nội và TP Hồ Chí Minh phân theo vùng

	1994-99 (5 năm)				2006-07 (12 tháng)			
	Hà Nội		TP Hồ Chí Minh		TP Hà Nội		TP Hồ Chí Minh	
	Số người	Phần trăm	Số người	Phần trăm	Số người	Phần trăm	Số người	Phần trăm
ĐB sông Hồng	117997	60,0	62387	14,4	68860	77,2	26305	6,9
Đông Bắc	35641	18,1	7631	1,8	9679	10,8	5295	1,4
Tây Bắc	6359	3,2	685	0,2	1324	1,5	397	0,1
Bắc Trung Bộ	26995	13,7	48199	11,1	7263	8,1	26211	6,9
Duyên hải NTB	2807	1,4	71916	16,6	97	0,1	33733	8,8
Tây Nguyên	1453	0,7	16247	3,7	232	0,3	12037	3,2
Đông Nam Bộ	4426	2,3	73305	16,9	1685	1,9	20007 0	52,4
ĐB sông	965	0,5	15329	35,3	91	0,1	77574	20,3

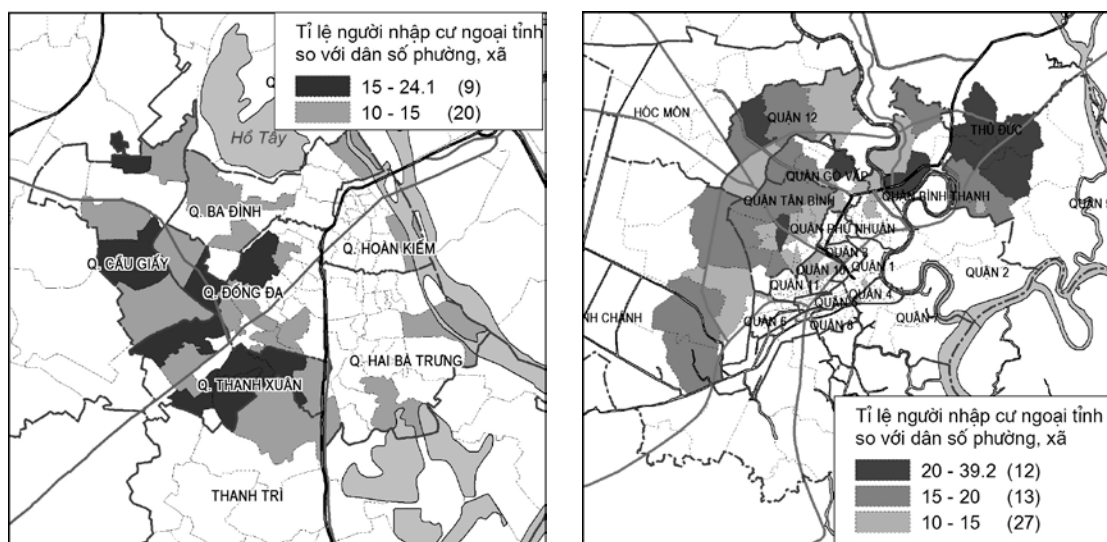
PHÂN TÍCH DÒNG DI CƯ VÀ TÍNH CHỌN LỌC CỦA DI CƯ...

Cửu Long			2					
Tổng số	196643	100,0	43366 2	100,0	89232	100,0	38162 3	100, 0

Xử lý từ cơ sở dữ liệu TĐT dân số và nhà ở 1/4/1999 Hà Nội, TP Hồ Chí Minh; Cơ sở dữ liệu (microdata) Điều tra biến động dân số và KHHGD 2007

Các luồng di cư vào TP Hồ Chí Minh có phạm vi rộng hơn nhiều so với Hà Nội và đã có những thay đổi quan trọng. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long vẫn là các địa bàn thu hút mạnh nhất vào TP Hồ Chí Minh, nhất là các tỉnh Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Bến Tre. Ngoài ra là các tỉnh có nguồn nhân lực dồi dào, như Hà Tây, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình (Đồng bằng sông Hồng); (Thanh Hoá, Nghệ An ở Bắc Trung Bộ), các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm miền Trung từ Thừa Thiên - Huế đến Bình Định. Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long vẫn là các địa bàn thu hút mạnh nhất vào TP Hồ Chí Minh, nhất là các tỉnh Đồng Nai, Long An, Tiền Giang, Bến Tre.

Bảng 4 cho thấy rằng các luồng di cư trên cự ly gần đã mạnh lên nhiều, nên tỉ trọng của các tỉnh Đồng bằng sông Hồng vào Hà Nội và các tỉnh Đông Nam Bộ vào TP Hồ Chí Minh đã tăng lên mạnh qua hai thời điểm (1994-99) và 2006-07. Trong khi các mối liên hệ nội vùng về lao động tăng lên, thì các mối liên hệ ngoại vùng về lao động lại yếu đi đáng kể.



Hình 2: Địa bàn thu hút mạnh người nhập cư ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, 1994-1999

Cũng trong bài báo trên³, chúng tôi đã nêu rõ các địa bàn phân bố chủ yếu người nhập cư ngoại tỉnh vào Hà Nội và TP Hồ Chí Minh 1994-1999. Những quận, huyện, và cụ thể hơn là các phường, xã có tỉ lệ người nhập cư ngoại tỉnh cao, có nhiều người nhập cư ngoại tỉnh thường cũng là các địa bàn đang được đô thị hoá mạnh, các

phường, quận mới thành lập, nơi có các khu công nghiệp mới, các khu đô thị mới. Hình 2 chỉ thể hiện bản đồ các phường, xã thu hút mạnh người nhập cư ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh trong thời gian trên. Có thể thấy xu hướng đô thị hoá và phát triển không gian đô thị rõ nét ở Hà Nội (cho đến tận bây giờ) chủ yếu là về phía Tây và Tây Nam thành phố; còn ở TP Hồ Chí Minh là về phía Tây và phía Bắc thành phố. Những phường, xã thu hút mạnh người di cư ngoại tỉnh đồng thời cũng thu hút mạnh người di cư nội tỉnh (chủ yếu từ các phường có mật độ dân số quá đông) do quá trình quy hoạch lại đô thị. Chính vì thế, có những phường có tỉ lệ người nhập cư rất cao (chỉ tính số người nhập cư trong thời gian 1994-1999 đã chiếm hơn 40% tổng số dân của phường), chẳng hạn như ở Hà Nội: P. Quan Hoa (50,7%), Dịch Vọng (48,5%), Mai Dịch (43,8%), Khương Mai (43,6%) và Láng Hạ (42,3%); ở TP Hồ Chí Minh: các xã Bình Hưng Hoà (55,4%), Bình Trị Đông (47,0%) của huyện Bình Chánh; các phường 11 (44,0%), P.12 (44,5%), P. 17 (46,4%) của quận Gò Vấp; các phường 13 (41,6%), P. 15 (49,5%), P. 16 (44,6%), P. 18 (45,5%) của quận Tân Bình; P. Tân Phong (41,2%) thuộc Quận 7; P. Phước Long B (45,6%) thuộc Quận 9; Phường Hiệp Bình Chánh (41,9%) thuộc quận Thủ Đức,... Các bản đồ ở hình 2 cho thấy quá trình đô thị hoá ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh đã và đang diễn ra theo cách thức "lan tỏa" từ nội thành ra các xã phường ven đô. Những địa bàn diễn ra hiện tượng đô thị hoá mạnh có sự thay đổi mạnh mẽ thành phần dân cư và cả các hoạt động kinh tế; đây cũng là những địa bàn tiềm tàng các vấn đề về xã hội do đô thị hoá quá nóng cục bộ, các vấn đề về môi trường do quy hoạch đi chậm hơn thực tiễn và do tập trung các cơ sở công nghiệp mới.

3. Tính chọn lọc trong di cư nói chung và di cư vào đô thị nói riêng

3.1 Tỉ số giới tính

a) **Tỉ số giới tính** phân theo trạng thái di cư (Bảng 4) cho thấy trong thời kỳ 1994-1999, nữ di cư nhiều hơn nam một cách rõ rệt, còn trong di cư ngoại tỉnh, nam di cư có phần nhiều hơn nữ. Các cuộc điều tra biến động dân số 2006 và 2007 cho thấy xu thế chuyển cư rất mạnh của nữ so với nam, cả trong di cư nội tỉnh và di cư ngoại tỉnh. Có thể nói, đây là xu thế không bình thường, không giống như quy luật di cư phổ biến trên thế giới là nam di cư nhiều hơn. Đó là do những thay đổi trong cơ cấu kinh tế, dẫn đến tăng trưởng về nhu cầu lao động nữ so với nhu cầu lao động nam.

Bảng 5: Tỉ số giới tính của dân số Việt Nam phân theo trạng thái di cư

	Tỉ số giới tính (nam/100 nữ)		
	1999	2006	2007
Không di cư	96,2	97,1	97,1
Di cư nội tỉnh	76,6	56,9	59,5
Di cư ngoại tỉnh	100,1	92,5	92,9
Tổng số	95,5	96,6	96,6

b) **Tỉ số giới tính của những người di cư vào các đô thị** (bảng 5) là thấp rõ rệt trong hai thập kỉ qua. Tỉ số giới tính là rất thấp đối với người di cư vào khu vực đô thị của Hà Nội, chỉ còn 66,7 nam/100 nữ (2007). Tỉ số giới tính của người di cư vào đô thị

ở TP Hồ Chí Minh 1994-99 là thấp hơn trung bình, nhưng đến năm 2006 và 2007 đã thấy xu hướng “đảo chiều”, đạt mức 94,6 nam/100 nữ (2006).

Bảng 6: Tỷ số giới tính của người di cư vào thành thị

Tỉnh, thành phố	1999	2006	2007
Hà Nội	86,0	76,0	66,7
TP Hồ Chí Minh	87,3	94,6	91,1
Các tỉnh, TP khác	89,3	72,3	78,9
Tổng số	88,2	81,8	83,0

Trong thời kỳ 1994-1999, tỷ số giới tính của người di cư từ nông thôn vào đô thị của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh có phần cao hơn so với từ khu vực thành thị, ngược với các tỉnh, thành phố còn lại. Tuy nhiên, đặc điểm này đã thay đổi trong những năm gần đây. Năm 2006, tỷ số giới tính của dân di cư nông thôn - thành thị thấp hơn thành thị - thành thị; đến năm 2007, xu hướng này vẫn duy trì, trừ Hà Nội.

Bảng 7: Tỷ số giới tính của người di cư vào đô thị, phân theo di cư nội tỉnh và di cư ngoại tỉnh

	Di cư nội tỉnh			Di cư ngoại tỉnh		
	1994 - 1999	2006	2007	1994 - 1999	2006	2007
Hà Nội	79,5	70,3	59,3	94,5	81,9	75,2
TP Hồ Chí Minh	86,5	97,7	87,6	88,1	92,5	94,0
Các tỉnh, TP khác	82,8	61,5	72,0	101,4	93,9	91,7
Tổng số	83,6	73,4	76,5	94,6	91,8	91,1

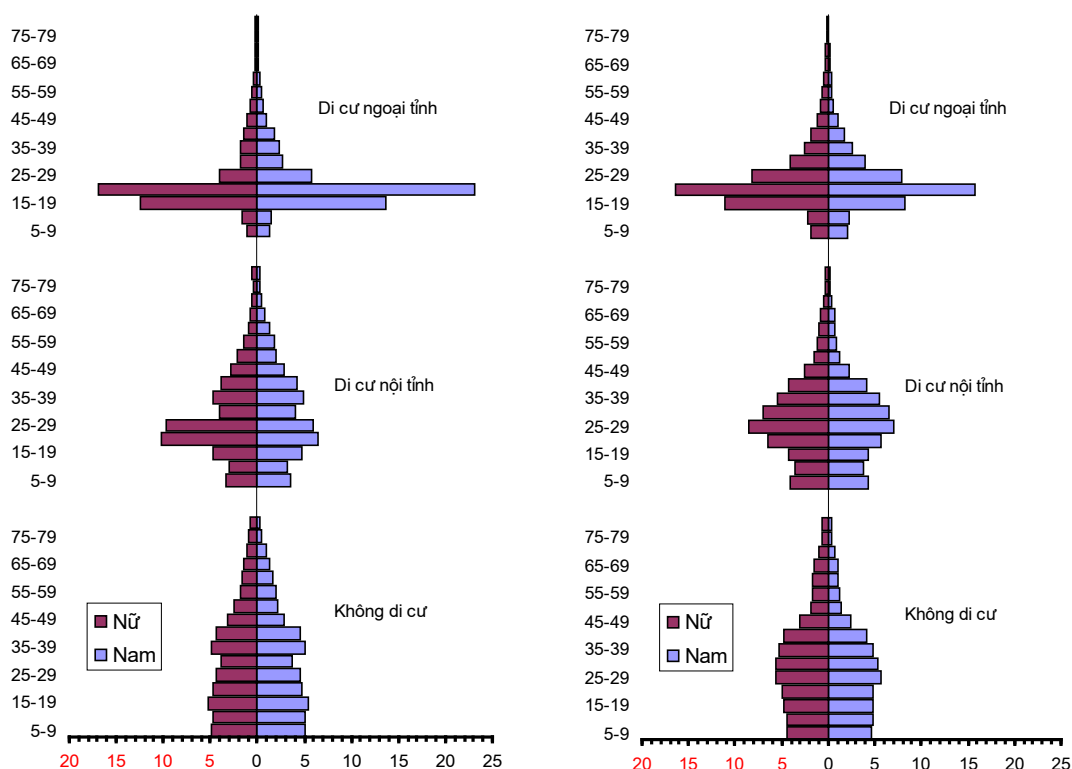
c) *Tỷ số giới tính của người di cư nội tỉnh và di cư ngoại tỉnh* có sự khác biệt rất đáng kể (bảng 6). Nam giới có tính năng động cao hơn trong các cuộc di cư ngoại tỉnh. So với thời kỳ 1994-99, đến năm 2006 vẫn thấy sự cách biệt lớn về tỷ số giới tính giữa di cư nội tỉnh và di cư ngoại tỉnh đến các đô thị, tuy nhìn chung tỷ số giới tính có xu hướng giảm. Năm 2007 có xu hướng không khác nhiều so với năm 2006. Có thể đặt giả thuyết rằng, sự biến động hàng năm về nhu cầu lao động ở các thành phố lớn, rõ nhất là TP Hồ Chí Minh và Hà Nội, đã tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến tỷ số giới tính của người di cư vào đô thị, nhất là đối với luồng di cư nội tỉnh.

3.2 Kết cấu tuổi và giới tính của người di cư vào đô thị Hà Nội và TP Hồ Chí Minh

Theo quy luật, có sự khác biệt lớn về kết cấu tuổi và giới tính của những người không di cư và những người di cư. Sự khác biệt này càng lớn và đặc sắc đối với Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, khi khảo sát riêng cho khu vực thành thị và khu vực nông thôn và phân theo các nhóm: không di cư; di cư nội tỉnh; di cư ngoại tỉnh.

Những người không di cư có kết cấu dân số ổn định, thậm chí là dạng kết cấu dân số già (khu vực thành thị của hai thành phố này). Tính chọn lọc cao đối với người chuyển cư đã dẫn đến chỗ trong cơ cấu dân số theo tuổi và giới tính, tỉ trọng của nhóm tuổi lao động sung sức cao hơn hẳn.

Ở Hà Nội, trong kết cấu của dân số di cư nội tỉnh các nhóm tuổi 20-24 và 25-29 có tỉ trọng cao nhất, đặc biệt nổi bật ở nữ giới vùng nông thôn; tỉ trọng này giảm nhanh ở nhóm tuổi 30-34. Trong khi đó, ở TP Hồ Chí Minh cả 3 nhóm tuổi có tỉ trọng cao nhất là 20-24, 25-29 và 30-34. Trong dân số di cư nội tỉnh ở Hà Nội, 3 nhóm tuổi này chiếm 38% ở thành thị và 51,7% ở nông thôn, còn ở TP Hồ Chí Minh, tỉ trọng này tương ứng là 41,2% ở thành thị và 42,9% ở nông thôn.



TP Hà Nội

TP Hồ Chí Minh

Hình 3- Tháp tuổi (%) của dân số khu vực thành thị ở Hà Nội và TP Hồ Chí Minh năm 1999, phân theo tình trạng di cư

Trong di cư ngoại tỉnh, tính chất chọn lọc rất tiêu biểu cho hai nhóm tuổi 15-19 và 20-24, cả ở thành thị và nông thôn. ở Hà Nội, hai nhóm này chiếm tương ứng là 66,8% ở thành thị và 64,4% ở nông thôn. Ở TP Hồ Chí Minh, tương ứng là 51,5% ở thành thị và 42,7% ở nông thôn. Đáng chú ý là xét theo các trạng thái di cư, chỉ riêng trong cơ cấu dân số di cư ngoại tỉnh đến Hà Nội tỉ trọng của nam cao hơn hẳn so với nữ.

3.3 Tỉ suất di cư đặc trưng theo tuổi và giới tính của dòng di cư vào khu vực đô thị của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh

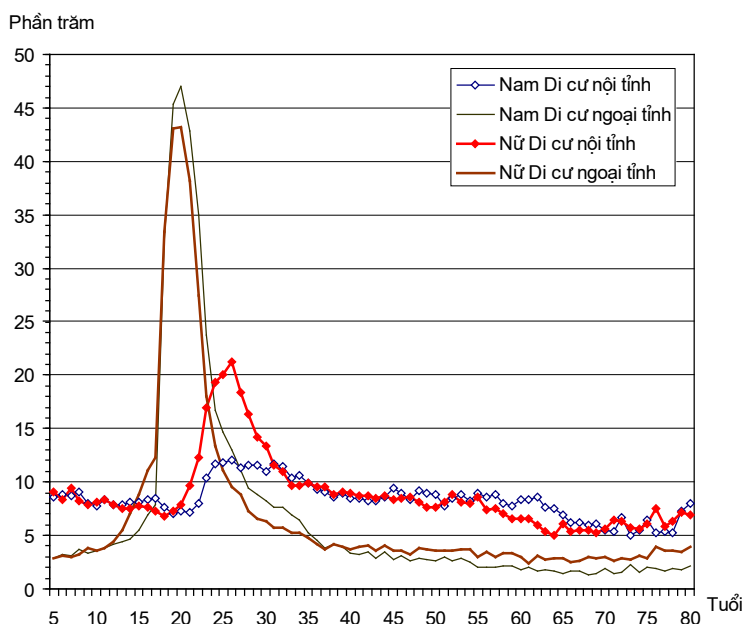
Tỉ suất di cư theo tuổi và theo giới là tỉ lệ của người di cư thuộc giới đó và độ tuổi đó trong tổng số người thuộc giới đó và độ tuổi đó. Do tính năng động trong di cư

PHÂN TÍCH DÒNG DI CƯ VÀ TÍNH CHỌN LỌC CỦA DI CƯ...

theo tuổi và theo giới rất rõ ràng, nên biểu đồ chung biểu diễn tỉ suất di cư đặc trưng theo tuổi và giới tính có dạng hình chuông với đỉnh chuông ở khoảng độ tuổi từ 20-23.

Đặc điểm chung của chỉ số này trong di cư vào đô thị (1994-1999) thể hiện như sau:

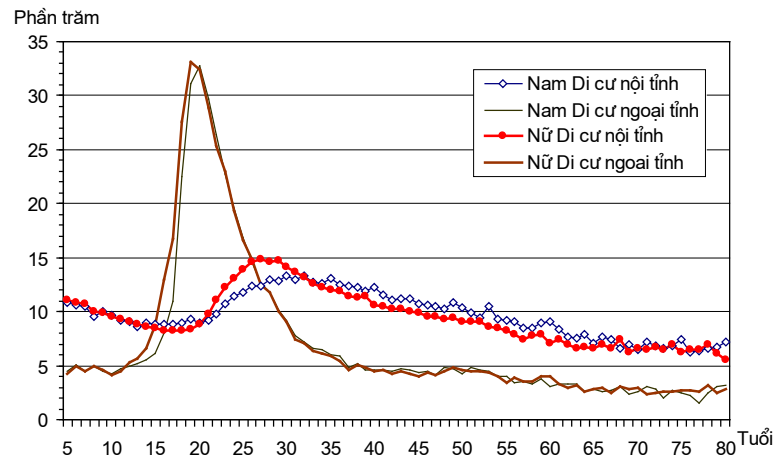
- Tỉ suất di cư vào đô thị đặc trưng theo từng độ tuổi và ở từng giới tính là cao hơn rõ rệt so với di cư chung của cả nước, đặc biệt là ở dòng di cư nội tỉnh.
- Tỉ suất di cư nội tỉnh ở các độ tuổi dưới 17 và trên 30 là cao hơn một cách đáng kể so với tỉ suất di cư ngoại tỉnh, ở cả nam giới và nữ giới.
- Do tính chọn lọc theo tuổi và giới tính của dòng di cư vào đô thị lớn hơn, nên tỉ suất di cư ngoại tỉnh đặc biệt cao ở các độ tuổi 18-23, cao nhất là ở độ tuổi 19-21. Tính chung ở các thành phố, thị xã, cứ 10 người ở độ tuổi này thì có 2 người là di cư ngoại tỉnh và 1 người là di cư nội tỉnh. Việc di cư vào đô thị để có học vấn cao đẳng, đại học, học nghề và sau đó kiếm việc làm ở các đô thị đã góp phần không nhỏ tạo nên sự chọn lọc này.



Hình 4: Tỉ suất di cư vào khu vực đô thị của Hà Nội, đặc trưng theo tuổi và giới tính 1994 - 1999

Nét giống nhau giữa trường hợp của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh (hình 4 và hình 5) là tính chọn lọc đặc biệt mạnh đối với di cư ngoại tỉnh. ở Hà Nội, tỉ suất di cư ngoại tỉnh tăng vọt ở tuổi 18, đạt đến điểm đỉnh ở độ tuổi 20 (tỉ suất di cư ở độ tuổi 20 là 47% đối với nam, 43,2% đối với nữ và tính chung cả hai giới là 45,1%), sau đó giảm mạnh đến độ tuổi 24, giảm chậm hơn ở các độ tuổi sau đó, tạo cho đồ thị một dạng hình chuông rất đặc trưng. ở TP Hồ Chí Minh, tỉ suất di cư ngoại tỉnh cũng tăng vọt ở tuổi 18, đạt đến đỉnh ở tuổi 19-20 (với tỉ suất di cư đối với nam ở tuổi 20 là 32,8%, nữ ở tuổi 19 là 33,1%). Sau đó, tỉ suất di cư giảm khá nhanh nhưng đều đặn hơn, làm cho dạng hình chuông có đáy rộng hơn.

Có một sự lệch pha giữa di cư ngoại tỉnh và di cư nội tỉnh vào khu vực đô thị của hai thành phố lớn này. Tỷ suất di cư nội tỉnh ở độ tuổi nhỏ giảm nhẹ đến cực tiểu ở độ tuổi 16-17 (TP Hồ Chí Minh), tuổi 19 (Hà Nội), sau đó tăng tương đối nhanh, đạt đến đỉnh ở các độ tuổi 25-26. ở độ tuổi khoảng 20-30, độ tuổi có tính tích cực di cư cao, thì tỷ suất di cư nội tỉnh vào khu vực thành thị ở hai thành phố lớn này của nam giới vẫn thấp hơn nữ giới. Tuy nhiên, ở độ tuổi 35 trở lên, tỷ suất di cư của nam và nữ tương đối cân bằng, và nam giới có phần tích cực di cư hơn nữ giới một chút.



Hình 5: Tỷ suất di cư vào khu vực đô thị của TP Hồ Chí Minh, đặc trưng theo tuổi và giới tính 1994 - 1999

Ở độ tuổi ngoài 35, tỷ suất di cư nội tỉnh của cả nam giới và nữ giới đều cao vượt trội so với tỷ suất di cư ngoại tỉnh. Khoảng cách biệt này ở TP Hồ Chí Minh lớn hơn ở Hà Nội. Điều này cũng dễ hiểu, bởi cự ly thu hút người nhập cư ngoại tỉnh vào TP Hồ Chí Minh lớn hơn nhiều so với Hà Nội. Dạng biểu đồ của Hà Nội và TP Hồ Chí Minh “mềm mại” hơn, ít có các biến động bất thường hơn so với biểu đồ cả nước. Nói khác đi, các biểu đồ này tiêu biểu hơn về tính quy luật của di cư vào các thành phố, nhất là các thành phố lớn.

Đặc trưng thống kê này vẫn được giữ qua số liệu Điều tra biến động dân số 2006 và 2007. Tuy nhiên, tỷ suất di cư ngoại tỉnh đặc trưng theo tuổi và giới tính (độ tuổi 18 - 30) của TP Hồ Chí Minh đều cao hơn rõ rệt so với Hà Nội, phù hợp với phân tích ở phần 2.1, mục a) của bài báo này.

Kết luận

Trong hai thập kỉ qua, cùng với công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đẩy mạnh đô thị hoá, cũng như do sự nới lỏng trong điều kiện đăng ký hộ khẩu ở đô thị, đã có những điều chỉnh rõ rệt trong các dòng chuyển cư vào đô thị và tính chọn lọc của di cư vào đô thị.

- Quy mô chuyển cư vào đô thị tăng lên; mô hình di cư vào đô thị đã có thay đổi về bản chất, từ chỗ di cư nông thôn - thành thị chiếm ưu thế, chuyển sang di cư thành thị - thành thị chiếm ưu thế.

- Di cư vào đô thị vẫn tập trung chủ yếu vào một số đô thị lớn (trung tâm đô thị cấp quốc gia và cấp vùng). Đặc biệt, Hà Nội và TP Hồ Chí Minh, do có tỉ trọng lớn trong tổng số người di cư vào đô thị của cả nước, mô hình di cư vào hai thành phố này đã ảnh hưởng rất quyết định đến mô hình di cư chung vào đô thị của nước ta, mặc dù có sự khác biệt khá mạnh so với phần lớn các tỉnh, thành phố còn lại.

- Địa bàn xuất cư chủ yếu vào Hà Nội và TP Hồ Chí Minh có thay đổi, mặc dù các vùng xuất cư chủ yếu đã có tính truyền thống. Vai trò của di cư nội vùng vào hai thành phố lớn nhất này tăng lên rõ nét trong khi dòng trao đổi lao động ngoại vùng có phần giảm đi. Địa bàn phân bố người nhập cư phản ánh đô thị hoá theo cách "lan tỏa" ở hai thành phố này, đặc biệt là về phía Tây và Tây Nam (Hà Nội), Tây và Bắc (TP Hồ Chí Minh).

- Tính tích cực di cư của nữ giới rất cao, đặc biệt trong di cư nội tỉnh. Tính chọn lọc về giới tính và tuổi của luồng di cư vào Hà Nội và TP Hồ Chí Minh là rất đặc sắc và đã có xu hướng thay đổi, do sức hút mạnh hơn và đang tăng lên đối với người di cư vào TP Hồ Chí Minh cũng như do tác động của những thay đổi trong hoạt động kinh tế và sự phát triển văn hoá, khoa học kỹ thuật của thành phố.

CHÚ THÍCH

¹ Đỗ Thị Minh Đức - *Phân tích mạng lưới đô thị Việt Nam và vấn đề phát triển vùng*. Tạp chí khoa học ĐHSP Hà Nội, số 2-2005, tr. 67-73.

² Đỗ Thị Minh Đức - *"Di cư vào các đô thị lớn ở nước ta trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX. Phân tích trường hợp của TP Hồ Chí Minh và Hà Nội"*, Tạp chí khoa học ĐHSP Hà Nội, số 2-2004, trang 126-132.

³ Đỗ Thị Minh Đức - *"Di cư vào các đô thị lớn ở nước ta trong thập kỉ 90 của thế kỉ XX. Phân tích trường hợp của TP Hồ Chí Minh và Hà Nội"*, Tạp chí khoa học ĐHSP Hà Nội, số 2-2004, trang 126-132